

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 0110/NUBEST/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH NUBEST

Địa chỉ: 13 Đường S7, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028-36289289

Email: info@nubest.vn

Mã số doanh nghiệp: 0312735899

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung: Sữa bột NuBest Tall (Hương Chocolate)

2. Thành phần: Đạm whey cô đặc (từ sữa), các vitamin và khoáng chất (Vitamin A, Vitamin C, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B3, Vitamin B6, Vitamin B9, Vitamin B12, Vitamin B5, Vitamin K2, Aquamin F (Chiết xuất Canxi từ tảo biển đỏ Ireland), Photpho, Iốt, Magiê, Kẽm, Selen, Sắt, Biotin, Đồng), Sodium Chloride, Potassium Chloride, Choline, Inositol, L-Taurin, L-Arginine, Men vi sinh Bacillus subtilis DE111[®], Chiết xuất vỏ cây Đỗ trọng, Omega 3-6-9 từ hạt lanh hữu cơ, Bột cacao kiềm hóa.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh: 340g hoặc theo yêu cầu khách hàng.

- Chất liệu bao bì: Hộp nhựa HDPE. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Xuất xứ sản phẩm, sở hữu thương hiệu sản phẩm:

- Được sản xuất và đóng gói tại Hoa Kỳ.

- Chủ sở hữu thương hiệu và phân phối trên toàn cầu bởi: NuBest, Inc.

- Địa chỉ: 1910 Thomes Avenue, Cheyenne, WY 82001, USA

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Mẫu nhãn sản phẩm: Đính kèm*.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: QCVN 5-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng bột.

1. Yêu cầu kỹ thuật.

1.1. Yêu cầu cảm quan.

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột
2	Màu sắc	Màu đặc trưng của sản phẩm

3	Mùi vị	Mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
---	--------	--

PHỤ LỤC I

CÁC CHỈ TIÊU LÝ HOÁ CỦA CÁC SẢN PHẨM SỮA DẠNG BỘT

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định
Độ ẩm	%	≤ 5

PHỤ LỤC II

GIỚI HẠN CÁC CHẤT NHIỄM BẨN ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM SỮA DẠNG BỘT

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
I. Kim loại nặng		
Chì	mg/kg	$\leq 0,02$
II. Độc tố vi nấm		
Aflatoxin M1	$\mu\text{g/kg}$	$\leq 0,5$

PHỤ LỤC III

CÁC CHỈ TIÊU VI SINH VẬT CỦA CÁC SẢN PHẨM SỮA DẠNG BỘT

Tên chỉ tiêu	Kế hoạch lấy mẫu		Giới hạn	
	n ⁸⁾	c ⁹⁾	m ¹⁰⁾	M ¹¹⁾
1. Enterobacteriaceae	5	0	10 CFU/g	
2. <i>Staphylococci</i> dương tính với coagulase	5	2	10 CFU/g	100 CFU/g
3. <i>L. monocytogenes</i> (đối với sản phẩm dùng ngay)	5	0	100 CFU/g	
4. <i>Salmonella</i>	5	0	Không phát hiện trong 25g	

⁸⁾ n: số đơn vị mẫu được lấy từ lô hàng cần kiểm tra.

⁹⁾ c: số đơn vị mẫu tối đa có thể chấp nhận hoặc số đơn vị mẫu tối đa cho phép vượt quá chỉ tiêu vi sinh vật m. Nếu vượt quá số đơn vị mẫu này thì lô hàng được coi là không đạt.

¹⁰⁾ m: số lượng hoặc mức tối đa vi khuẩn có trong 1 gam sản phẩm; các giá trị vượt quá mức này thì có thể được chấp nhận hoặc không được chấp nhận.

¹¹⁾ M: là mức vi sinh vật tối đa được dùng để phân định giữa chất lượng sản phẩm có thể đạt và không đạt.

¹²⁾ Chỉ tiêu loại A: bắt buộc phải thử nghiệm để đánh giá hợp quy. Chỉ tiêu loại B: không bắt buộc phải thử nghiệm để đánh giá hợp quy nhưng tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, chế biến các sản phẩm sữa dạng lỏng phải đáp ứng các yêu cầu đối với chỉ tiêu loại B.

1.2. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: Dư lượng thuốc thú y, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và các chất nhiễm bẩn khác phù hợp theo các quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2023



Chủ tịch Công ty
(Ký tên, đóng dấu)
NGUYỄN HỮU TRƯỜNG

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 04/10/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X298J0183

Mã KQ/ RP. No: 001032552.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY TNHH NUBEST
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : 13 Đường S7, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 28/09/2023
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 28/09/2023 - 04/10/2023
5. Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : Thực phẩm bổ sung: Sữa bột NuBest Tall (Hương Chocolate)
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong hũ nhựa
7. Bảng kết quả/ Results Table :



TSL
QUALITY BUILDS TRUST ✓

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 04/10/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X298J0183

Mã KQ/ RP. No: 001032552.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	LS Độ ẩm (*) / Moisture (*)	4.13	%	-	TS-KT-HCB-005:2018
2	LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
3	LS Aflatoxin M ₁ (*) / Aflatoxin M ₁ (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.003	TS-KT-SK-39:2018 (Ref. TCVN 6685:2009)
4	LS Enterobacteriaceae (*) / Enterobacteriaceae (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	ISO 21528-2:2017
5	LS Staphylococci dương tính với coagulase (*) / Coagulase-positive staphylococci (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999, AMD1:2003)
6	LS Listeria monocytogenes (*) / Listeria monocytogenes (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	ISO 11290-2:2017
7	LS Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	10	ISO 6579-1:2017

Chú thích/ Remarks:

- 1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- 5.Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYỀN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04